

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh B; Tạm trú: Nhà trọ H, số 199, Đường N, Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ thường trú: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Tạm trú: Nhà trọ H, số 199, Đường N, Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh L.

(Chị L, anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Nguyễn Minh T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tôn trọng chị, hay nghi ngờ, theo dõi, chửi mắng, hăm dọa đánh đập chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị L xác định chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Minh Th, sinh ngày 27/02/2011, hiện cháu Th đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 18/11/2020, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Minh T trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến của chị L về thời gian cưới nhau, kết hôn và con chung. Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị L cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh đã có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định còn thương chị L, nên không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, thì anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Th, sinh ngày 27/02/2011, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, chị L và anh T không thỏa thuận được với nhau. Anh T muốn đoàn tụ, nhưng chị L không đồng ý. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Minh T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T: Chị L và anh T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/01/2010, nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L thấy rằng: Chị L và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình 02 bên không hòa hợp. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị L xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Anh T chỉ nêu ý kiến không đồng ý ly hôn mà không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục chị L đồng ý đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Minh Th, sinh ngày 27/02/2011, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Th đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với chị L. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81

Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Minh Th, sinh ngày 27/02/2011, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.
2. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Th, sinh ngày 27/02/2011. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.
3. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định của pháp luật. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh T.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị L, anh T, người thân thích của cháu Th, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002432 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang thi hành án phí, nên chị L không phải nộp tiếp. Anh T không phải chịu án phí.
6. Án xử sơ thẩm công khai, chị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- Đường sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Điều – Nguyễn Anh Thư

Trần Văn Khánh